BẢNG DANH MỤC CÁC ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Chính phủ;
- Tham khảo Điều lệ mẫu theo Dự thảo sửa đổi Thông tư 121/2012/TT-BTC về quy chế quản trị công ty;
- Tham khảo Điều lệ Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Công ty Mẹ).

Các điểm thay đổi giữa Điều lệ hiện hành và Dự thảo Điều lệ sửa đổi lần 7 như sau:

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
Điều 1: Định nghĩa	**Điều 1: Định nghĩa**	
a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ	Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2014
b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
d. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh.	
f. "Thời hạn hoạt động"	Bỏ bớt	
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	**Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty**	
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 50 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm	Bỏ bớt	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
Điều 3: Tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác	Bỏ bớt	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 5 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	**Điều 4** 2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	**Điều 5.** Vốn điều lệ, cổ phần	Quá thời hạn 3 năm kể từ khi thành lập nên bỏ bớt khái niệm "cổ đông sáng lập"

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 (vốn điều lệ được tăng hoặc giảm …)
6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ	Bỏ bớt	Quá thời hạn 3 năm kể từ khi thành lập nên bỏ bớt khái niệm "cổ đông sáng lập"
Điều 7 3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu	**Điều 6:** 3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời gian hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, hư hại, hỏng và sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới .	Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 10 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty	**Điều 9** 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.	
Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý	**Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**	
Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Tổng giám đốc điều hành.	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Tổng giám đốc.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Mẫu
Điều 14 Đại hội đồng cổ đông	**Điều 13 Đại hội đồng cổ đông**	
3c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.	3c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ.	Điều 136 Luật Doanh nghiệp
Điều 15 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán;	**Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công	Sắp xếp lại theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Mục o Khoản 2 0 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ	ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 38 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán. 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.		
Điều 16 Các đại diện được ủy quyền	**Điều 15 Các đại diện được ủy quyền**	
1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền của mỗi người đại diện. 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một	1. Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức: a. Cổ đông là tổ chức phải uỷ quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau: Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được uỷ quyền một (01) người đại diện; cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể uỷ quyền tối đa hai (02) người đại diện; cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể uỷ quyền tối đa ba (03) người đại diện; cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể uỷ quyền tối đa bốn (04) người đại diện; cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên có thể uỷ quyền tối đa năm (05) người đại diện; b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo uỷ quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo uỷ quyền. c. Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản uỷ quyền phải có các nội dung chủ yếu sau: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo uỷ quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng	Điều chỉnh theo quy định tại Điều 15, Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại	thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo uỷ quyền; - Thời hạn uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo uỷ quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được uỷ quyền; d. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại mục 5 điều 15 Luật Doanh nghiệp - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; - Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty. 2. Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm 2b Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư,	

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	fax, thư điện tử.	
Điều 18 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**	
2a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.	2a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều chỉnh theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2014
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo mời họp phải kèm theo các tài liệu sau đây: - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghĩ quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp. Việc gửi các tài liệu họp có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu được cổ đông yêu cầu.	Điều chỉnh theo Điều 139 Luật doanh nghiệp 2014
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bỏ bớt chuyển sang đề cập tại điều 21	Điều 148 Luật Doang nghiệp 2014
Điều 19 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 18 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 141 Luật Doang nghiệp 2014
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp	Điều 141 Luật Doang nghiệp 2014
Điều 20 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	**Điều 19 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**	
1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký	Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
đăng ký hết	hết	
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó có ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và điền vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ toạ công bố trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp	Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng	3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi	Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp	Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của 0 của điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	**Điều 20 Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; b. Định hướng phát triển của công ty c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. **Điều 21: Điều kiện để nghị quyết được thông qua** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán; b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; d. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể công ty. 2. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và 3 của Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Điều 143 và điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sỡ hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên cho số phiếu bầu ngang bằng nhau. 4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	
Điều 22 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 22 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**	
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này	Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của công ty b. Mục đích lấy ý kiến;	Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; hoặc tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;	
5f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.	5f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Bỏ bớt	Đã quy định ở điều 21
Điều 23 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 23 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**	
Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ và công bố cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản	Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng	Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	
Điều 24 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 24 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu Toà án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toà án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 25 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 150 về thành viên HĐQT; Điều 134 về cơ cấu tổ chức, theo đó không còn quy định về TV HĐQT độc lập với mô hình có Ban kiểm soát

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống		
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm ứng viên 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
Điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	**Điều 26 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**	
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định,thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014
	Điều 27: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ít nhất ba (03)	Bổ sung theo Điều 151 Luật doanh nghiệp

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	năm trong quản lý kinh doanh cùng lĩnh vực kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; 3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên hội đồng quản trị công ty khác; 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Công ty.	
Điều 27 Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị**	
1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày	1. Hội đồng quản trị bầu ra một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. 4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ	Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hoá thông tin và thủ tục hành chính; 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.	
Điều 28 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	Bỏ bớt	Đã đề cập trong Điều 30 Dự thảo Điều lệ (phù hợp Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014)
Chương IIIV		
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	**TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**	Thay cụm từ "Cán bộ quản lý" thành "Người quản lý"
Điều 30 Tổ chức bộ máy quản lý	**Điều 31 Tổ chức bộ máy quản lý**	
Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng quyết định Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm	Phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
Điều 32 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành	**Điều 33 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành**	
3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có	2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh	Bổ sung, điều chỉnh theo

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; e. Quyết định các khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hàng năm có giá trị không quá 35 tỷ đồng. f. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm. g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm	doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng công ty Sonadezi và người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty. 4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động. g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;	Điều 157 Luật Doanh nghiệp

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật. 4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.	h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. 5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty 6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.	
Điều 33 Thư ký Công ty	Bỏ bớt	Đã đề cập ở Điều 28 Dự thảo Điều lệ
CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT	**CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT**	
Điều 34 Thành viên Ban kiểm soát 2. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm ứng viên Điều 35 Ban kiểm soát	Điều 39 Ban kiểm soát Điều 40 Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Điều 41 Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Điều 42 Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát Điều 43 Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên Điều 44 Trách nhiệm của Kiểm soát viên Điều 45 Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên	Điều chỉnh, bổ sung theo các Điều 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	**CHƯƠNG IX: TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN**	
Điều 36 Trách nhiệm cẩn trọng Điều 37 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi Điều 38 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 34 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Điều 35 Công khai lợi ích liên quan Điều 36 Trách nhiệm của người quản lý công ty Điều 37 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Điều 38 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	Điều chỉnh, bổ sung theo các Điều 158, 159, 160, 161, 162 Luật Doanh nghiệp 2014
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	Bỏ bớt	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	**CHƯƠNG XII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH**	
Điều 42 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận a. Hàng năm, trước khi chia cổ tức, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình để lập các quỹ sau và được Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng cổ đông quyết định: ▪ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích quỹ này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. ▪ Quỹ khen thưởng; ▪ Quỹ phúc lợi; ▪ Quỹ khác. b. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	**Điều 47 Phân phối lợi nhuận** 7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. **Điều 48 Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ** 1. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình phương án xử lý để Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời; 2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014, yêu cầu tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp 2014.
Điều 46 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn	**Điều 52 Báo cáo hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này, Trong thời hạn	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Thông tư 155 về công bố thông tin

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
mười (10) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, phải nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website Công ty.	chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trường hợp niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo quý và sáu (06) tháng và quý của công ty phải được công bố trên website Công ty.	
Điều 49 Con dấu 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	**Điều 55 Con dấu** 1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp. 2. Việc thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. 3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.	Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2014
CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ Điều 50 Chấm dứt hoạt động Điều 51 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông Điều 52 Gia hạn hoạt động Điều 53 Thanh lý	**CHƯƠNG XVII: CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY** Điều 56 Các trường hợp và điều kiện giải thể Điều 57 Trình tự, thủ tục giải thể Điều 58 Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Điều 59 Thanh lý tài sản Công ty	Phù hợp các Điều 25, 201, 202, 203 Luật Doanh nghiệp 2014

Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
Điều 56 Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai. c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	**Điều 62 Ngày hiệu lực** 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức thông qua ngày .../.../..... tại Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: d. Một (01) bản nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp; một (01) bản nộp tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; một (01) bản nộp tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai; e. Bảy (07) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014 và thực tế.